PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 114/2013/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2013*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 7 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh giống cây trồng ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

2. Các hành vi vi phạm hành chính về giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Vi phạm quy định về giống cây trồng;

b) Vi phạm quy định về bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật và thuốc bảo vệ thực vật.

3. Các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật không được quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các nghị định khác của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan để xử phạt.

Điều 2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính liên quan đến giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật là một năm.

2. Đối với các hành vi vi phạm hành chính về sở hữu trí tuệ đối với giống cây trồng; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật, thực vật, sản phẩm thực vật thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là hai năm.

3. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều 6 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, tổ chức, cá nhân phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề gồm: Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng; Quyết định chỉ định khảo nghiệm giống cây trồng; Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng; Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng; Chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật; Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật; Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật; Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật; Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

3. Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này quy định các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc chuyển đổi mục đích sử dụng hạt giống cây trồng sản xuất không theo đúng quy trình đối với từng cấp giống đã quy định;

b) Buộc tái chế đối với những thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật có hàm lượng hoạt chất chỉ đạt từ 70% trở lên so với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Điều 5. Quy định về mức phạt tiền

1. Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật đối với cá nhân là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức là 100.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền quy định tại Nghị định này là mức phạt được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân. Đối với tổ chức có cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền gấp 02 (hai) lần mức phạt tiền đối với cá nhân, trừ trường hợp quy định tại Điều 23, Điều 24 của Nghị định này.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC GIỐNG CÂY TRỒNG

Điều 6. Vi phạm về quản lý, sử dụng và bảo tồn nguồn gen cây trồng trong các khu bảo tồn

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khai thác hoặc sử dụng nguồn gen cây trồng trong khu bảo tồn vượt quá giới hạn cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khai thác, sử dụng nguồn gen cây trồng trong khu bảo tồn mà không được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Chiếm đoạt nguồn gen trong khu bảo tồn;

b) Phá hoại nguồn gen giống cây trồng trong khu bảo tồn, trong trường hợp có thể phục hồi lại được tình trạng ban đầu.

4. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm phá hoại nguồn gen giống cây trồng trong khu bảo tồn đến mức không thể khôi phục lại được tình trạng ban đầu.

5. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật và phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này.

Điều 7. Vi phạm về thu thập, bảo tồn nguồn gen cây trồng quý hiếm nằm trong Danh mục nguồn gen cây trồng quý hiếm cần bảo tồn

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Chiếm đoạt nguồn gen quý hiếm trong khu bảo tồn;

b) Phá hoại nguồn gen quý hiếm trong khu bảo tồn, trong trường hợp có thể phục hồi lại được tình trạng ban đầu.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm phá hoại nguồn gen cây trồng quý hiếm cần bảo tồn đến mức không thể khôi phục lại được tình trạng ban đầu.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật và phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc khôi phục tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 8. Vi phạm về xuất khẩu nguồn gen, giống cây trồng quý hiếm

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm xuất khẩu quá số lượng đối với từng nguồn gen cây trồng quý hiếm so với văn bản đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm xuất khẩu không đúng tên nguồn gen cây trồng quý hiếm so với văn bản đồng ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm xuất khẩu nguồn gen quý hiếm mà không được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm xuất khẩu giống cây trồng thuộc Danh mục giống cây trồng quý hiếm cấm xuất khẩu.

5. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật và phương tiện vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, 2, 3 và Khoản 4 Điều này.

Điều 9. Vi phạm về khảo nghiệm giá trị canh tác, giá trị sử dụng (khảo nghiệm VCU); khảo nghiệm tính khác biệt, tính đồng nhất và tính ổn định (khảo nghiệm DUS)

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân khảo nghiệm được chỉ định thực hiện khảo nghiệm nhưng không duy trì đầy đủ điều kiện khảo nghiệm như tại thời điểm được cơ quan có thẩm quyền chỉ định.

2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân khảo nghiệm được chỉ định thực hiện khảo nghiệm nhưng không thực hiện đúng quy phạm khảo nghiệm hiện hành.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với cá nhân được chỉ định khảo nghiệm nhưng công bố sai sự thật kết quả khảo nghiệm.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

Tước quyền sử dụng Quyết định chỉ định khảo nghiệm từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc cải chính thông tin sai sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 10. Vi phạm về sử dụng giống cây trồng mới đang trong quá trình khảo nghiệm, sản xuất thử

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm đưa giống cây trồng đang trong quá trình khảo nghiệm cơ bản ra khảo nghiệm sản xuất vượt từ 30% trở lên so với diện tích được phép theo quy định đối với từng loại giống cây trồng.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây khi chuyển giao giống nhằm mục đích sản xuất thử:

a) Không có quy trình kỹ thuật trồng trọt của giống sản xuất thử kèm theo cho người sản xuất;

b) Không có hợp đồng hoặc danh sách ghi rõ tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất thử, thời gian, số lượng giống được chuyển giao;

c) Không theo dõi, đánh giá giống trong quá trình sản xuất thử.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Chuyển giao giống ra sản xuất thử vượt từ 30% trở lên so với diện tích được phép theo quy định đối với từng loại giống cây trồng;

b) Sản xuất thử không đúng vùng sinh thái được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 11. Vi phạm về quản lý cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm không thực hiện đúng quy định về trách nhiệm quản lý, sử dụng, khai thác cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm đã quy định:

a) Không gắn mã hiệu cho nguồn giống;

b) Nguồn giống không đảm bảo đạt các tiêu chí như khi được công nhận, bị nhiễm bệnh nguy hiểm, thoái hóa;

c) Cây có múi S_0, cây có múi S_1 không được trồng trong nhà lưới đủ tiêu chuẩn ngăn chặn côn trùng trung gian truyền bệnh;

d) Khai thác vật liệu nhân giống vượt quá định mức quy định trong Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng;

đ) Không lập sổ theo dõi tình hình cung cấp vật liệu nhân giống.

2. Hình thức xử phạt bổ sung

Tước quyền sử dụng Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng trong thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm tại Điểm b, c Khoản 1 Điều này.

Điều 12. Vi phạm về quyền của chủ Bằng bảo hộ

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng giống cây trồng đã được chấp nhận đơn đăng ký bảo hộ nhằm mục đích thương mại mà không trả tiền đền bù theo quy định tại Điều 189 Luật sở hữu trí tuệ.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng quyền của chủ Bằng bảo hộ liên quan đến vật liệu nhân của giống cây trồng đã được bảo hộ mà không được sự đồng ý của chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng để thực hiện một trong các mục đích sau:

a) Sản xuất hoặc nhân giống;

b) Chế biến nhằm mục đích nhân giống;

c) Chào hàng;

d) Bán hoặc thực hiện các hoạt động tiếp cận thị trường;

đ) Xuất khẩu;

e) Nhập khẩu;

g) Lưu giữ để thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này;

h) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này đối với giống cây trồng mà việc sản xuất đòi hỏi phải sử dụng lặp lại giống cây trồng đã được bảo hộ;

i) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này đối với giống cây trồng có nguồn gốc từ giống cây trồng được bảo hộ, trừ trường hợp giống cây trồng được bảo hộ có nguồn gốc từ một giống cây trồng đã được bảo hộ khác.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với việc sử dụng tên giống cây trồng trùng hoặc tương tự với tên giống cây trồng đã được bảo hộ cho giống cây trồng cùng loài hoặc loài liên quan gần gũi với giống cây trồng đã được bảo hộ.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Điều 13. Vi phạm về nghĩa vụ của chủ Bằng bảo hộ, tác giả giống cây trồng

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng không thực hiện việc chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng đã được bảo hộ theo quyết định chuyển giao bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền;

b) Chủ Bằng bảo hộ giống cây trồng không trả thù lao cho tác giả giống cây trồng theo quy định;

c) Chủ Bằng bảo hộ không duy trì được tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định của giống cây trồng được bảo hộ như tại thời điểm cấp Bằng bảo hộ mà vẫn khai thác, sử dụng vật liệu nhân giống;

d) Tác giả giống cây trồng không thực hiện đúng nghĩa vụ giúp chủ Bằng bảo hộ duy trì vật liệu nhân giống của giống cây trồng được bảo hộ.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng Bằng bảo hộ giống cây trồng đã hết hiệu lực, bị đình chỉ hoặc hủy bỏ hiệu lực để thực hiện quyền đối với giống cây trồng.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng Bằng bảo hộ giống cây trồng giả để thực hiện quyền đối với giống cây trồng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu giống cây trồng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thu hồi Bằng bảo hộ giống cây trồng giả đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 14. Vi phạm về điều kiện sản xuất, kinh doanh giống cây trồng chính

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm về điều kiện kinh doanh giống cây trồng chính đã quy định:

a) Không có địa điểm kinh doanh và cơ sở vật chất kỹ thuật phù hợp với từng loài cây trồng, từng cấp giống;

b) Không có hoặc không thuê nhân viên kỹ thuật có trình độ từ trung cấp Trồng trọt, Bảo vệ thực vật trở lên hoặc có chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật sản xuất giống cây trồng chính.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm về điều kiện sản xuất giống cây trồng chính với mục đích thương mại:

a) Địa điểm sản xuất không phù hợp với quy hoạch của ngành nông nghiệp; yêu cầu sản xuất của từng loài cây trồng, từng cấp giống đã quy định;

b) Không có cơ sở vật chất và trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với quy trình kỹ thuật sản xuất từng loài cây trồng, từng cấp giống đã quy định;

c) Không có hoặc không thuê nhân viên kỹ thuật có trình độ từ trung cấp Trồng trọt, Bảo vệ thực vật trở lên hoặc có chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật sản xuất giống cây trồng đối với sản xuất giống xác nhận;

d) Không có hoặc không thuê nhân viên kỹ thuật có trình độ từ đại học chuyên ngành Nông học, Trồng trọt, Bảo vệ thực vật trở lên đối với sản xuất giống siêu nguyên chủng, nguyên chủng, giống bố mẹ và hạt lai F1.

Điều 15. Vi phạm về sản xuất giống cây trồng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất hạt giống cây trồng không theo đúng quy trình sản xuất từng cấp giống cây trồng đã quy định.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhân giống cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm, cây lâm nghiệp bằng phương pháp vô tính không từ cây đầu dòng hoặc từ vườn cây đầu dòng đã được bình tuyển và công nhận;

b) Sản xuất giống cây lâm nghiệp chính không sử dụng vật liệu nhân giống từ cây mẹ, vườn cây đầu dòng, vườn giống hoặc rừng giống đã qua bình tuyển và được công nhận.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sản xuất nhằm mục đích thương mại giống cây trồng không có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc chưa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng mới hoặc không có văn bản chấp thuận cho phép sản xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu giống cây trồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thu hồi chuyển mục đích sử dụng hạt giống hoặc buộc tiêu hủy hạt giống đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 16. Vi phạm về kinh doanh giống cây trồng

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm kinh doanh giống cây trồng không có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam hoặc giống chưa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận giống cây trồng mới.

2. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu giống cây trồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc tiêu hủy giống cây trồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 17. Vi phạm về xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng, nguồn gen cây trồng không thuộc nguồn gen cây trồng quý hiếm

1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu giống cây trồng, nguồn gen cây trồng không đúng với nội dung văn bản cho phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu giống cây trồng, nguồn gen cây trồng chưa được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép bằng văn bản.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu nguồn gen cây trồng, giống cây trồng gây hại đến sản xuất và sức khỏe con người, môi trường, hệ sinh thái.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu giống cây trồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc tái xuất hoặc tiêu hủy giống cây trồng, nguồn gen cây trồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy giống cây trồng, nguồn gen cây trồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này.

Điều 18. Vi phạm quy định quản lý giấy phép, chứng chỉ hành nghề về giống cây trồng

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề về giống cây trồng của người khác để hành nghề, bao gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng;

b) Quyết định chỉ định khảo nghiệm giống cây trồng;

c) Chứng chỉ người lấy mẫu, người kiểm định, người kiểm nghiệm giống cây trồng, thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng;

d) Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng;

đ) Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu nguồn gen giống cây trồng;

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung các loại giấy tờ sau:

a) Các loại giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy giống cây trồng;

c) Biên bản kiểm định; kết quả kiểm nghiệm mẫu giống cây trồng.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm làm giả các loại giấy tờ, hồ sơ xin cấp các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thu hồi các loại giấy tờ, hồ sơ đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Chương III
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ VÀ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 19. Vi phạm quy định về phòng, trừ sinh vật gây hại tài nguyên thực vật

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Người trực tiếp làm dịch vụ bảo vệ thực vật không có trình độ chuyên môn về bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật;

b) Cố ý không chấp hành các biện pháp phòng chống sinh vật gây hại tài nguyên thực vật theo yêu cầu và hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa ra khỏi vùng dịch thực vật và sản phẩm thực vật nhiễm dịch hại đã được công bố dịch nhưng chưa được xử lý;

b) Không bố trí người, phương tiện phục vụ việc kiểm tra vật thể kiểm dịch khi cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật yêu cầu mà không có lý do xác đáng.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vận chuyển, sử dụng giống cây và vật liệu làm giống bị nhiễm dịch hại đang được công bố dịch từ vùng dịch sang các vùng khác;

b) Nhập khẩu, vận chuyển, nhân nuôi, lưu giữ, phóng thích dịch hại nguy hiểm đối với tài nguyên thực vật mà không được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho phép bằng văn bản.

4. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này vì mục đích thương mại.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc tiêu hủy thực vật, sản phẩm thực vật, giống cây, dịch hại nguy hiểm đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 20. Vi phạm quy định về kiểm dịch thực vật xuất khẩu, nhập khẩu và quá cảnh

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không làm thủ tục khai báo kiểm dịch thực vật trước khi nhập khẩu, xuất khẩu, vận chuyển quá cảnh vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không làm thủ tục kiểm dịch tại cửa khẩu;

b) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của nước xuất khẩu;

c) Đưa vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật phải có Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu mà không có Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu hoặc không tuân thủ các biện pháp xử lý được yêu cầu trong giấy phép;

d) Vận chuyển quá cảnh vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không được phép của cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền của Việt Nam;

đ) Vận chuyển quá cảnh vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà không thực hiện các biện pháp ngăn chặn sinh vật gây hại theo quy định của Việt Nam;

e) Vận chuyển quá cảnh vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật không đúng lộ trình quy định của cơ quan kiểm dịch thực vật hoặc lưu giữ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật quá cảnh trên lãnh thổ Việt Nam quá thời hạn được phép;

g) Không xử lý bao bì đóng gói bằng gỗ theo quy định;

h) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ còn sống.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Khai man, giấu diếm, tẩu tán vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trong quá trình cơ quan kiểm dịch thực vật tiến hành kiểm dịch cho những lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu;

b) Đưa thêm vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật mà chưa được kiểm dịch vào lô hàng đã được cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật;

c) Tự ý tháo dỡ niêm phong, xếp dỡ, chuyển tải, sang mạn, sang toa, cắt toa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trên phương tiện vận chuyển hàng hóa đang chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan kiểm dịch thực vật.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa vào lãnh thổ Việt Nam dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ còn sống mà chưa được phép của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Đưa đất có sinh vật gây hại vào Việt Nam;

c) Không thực hiện tái xuất vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm dịch hại kiểm dịch thực vật đúng thời hạn theo quyết định của cơ quan kiểm dịch thực vật;

d) Vận chuyển vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhiễm dịch hại kiểm dịch thực vật chưa được xử lý triệt để theo chỉ định của cơ quan kiểm dịch thực vật.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật trong vòng 30 ngày kể từ khi có quyết định của cơ quan kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d, đ Khoản 2 và Điểm b Khoản 4 của Điều này hoặc vi phạm Điểm b, c Khoản 2 Điều này đối với trường hợp vi phạm từ lần thứ 3 trở lên;

b) Buộc tiêu hủy vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật ngay khi có quyết định của cơ quan kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này;

c) Buộc xử lý bao bì đóng gói bằng gỗ đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này hoặc buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc tiêu hủy đối với trường hợp vi phạm từ lần thứ 3 trở lên;

d) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc buộc tái xuất vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật hoặc buộc xử lý triệt để trong trường hợp có thể xử lý được đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều này.

Điều 21. Vi phạm quy định về kiểm dịch thực vật nội địa

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm không có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật ở nơi xuất phát khi đưa vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ vùng có dịch ra khỏi vùng dịch.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vận chuyển, bốc dỡ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh, sinh vật gây hại lạ không đúng với quy định;

b) Đưa vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật tới những nơi không quy định trong Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa dịch hại thuộc diện điều chỉnh, sinh vật gây hại lạ ra các vùng trong lãnh thổ Việt Nam;

b) Vận chuyển, lưu thông vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật đã có kết luận bị nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh hoặc sinh vật gây hại lạ mà không thực hiện đúng quy định của cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền;

c) Không chấp hành các biện pháp khoanh vùng, bao vây, tiêu diệt ổ dịch, dịch hại thuộc diện điều chỉnh hoặc dịch hại lạ theo lệnh của cơ quan bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không chấp hành các quy định về xử lý đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm dịch hại thuộc diện điều chỉnh của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không chấp hành quy định, quyết định của cơ quan kiểm dịch thực vật đối với việc xử lý dịch hại kiểm dịch thực vật.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng lây lan dịch hại kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 5 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bị nhiễm dịch hại kiểm dịch thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều này.

Điều 22. Vi phạm quy định về kiểm dịch thực vật giống cây trồng và sinh vật có ích nhập nội

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm Chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật không khai báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền về bảo vệ và kiểm dịch thực vật khi đưa giống cây trồng mới lần đầu tiên nhập khẩu gieo trồng tại địa điểm theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tuân thủ quy định về việc nhập khẩu, nhân nuôi và sử dụng sinh vật có ích;

b) Gieo trồng giống cây trồng mới lần đầu tiên nhập khẩu không đúng địa điểm theo quy định trong giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu của cơ quan kiểm dịch thực vật.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm đưa ra gieo trồng, sản xuất giống cây trồng mới lần đầu tiên nhập khẩu khi chưa có kết luận của cơ quan kiểm dịch thực vật về tình trạng nhiễm dịch đối với giống cây trồng đó.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc tiêu hủy giống cây trồng nhập khẩu đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

Điều 23. Vi phạm quy định về xông hơi khử trùng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức hành nghề xông hơi khử trùng có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Người trực tiếp quản lý, điều hành không có Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng theo quy định;

b) Sử dụng người thực hiện xông hơi khử trùng không có Thẻ xông hơi khử trùng;

c) Xông hơi khử trùng không có quy trình kỹ thuật, thiếu phương tiện, trang thiết bị hành nghề theo quy định;

d) Kho chứa hóa chất khử trùng không đúng tiêu chuẩn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức hành nghề xông hơi khử trùng có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng các loại thuốc xông hơi khử trùng chưa có tên thương mại trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và hạn chế sử dụng ở Việt Nam;

b) Sử dụng các loại thuốc xông hơi khử trùng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; không có nhãn theo đúng quy định, không rõ nguồn gốc xuất xứ;

c) Tiến hành xông hơi khử trùng không đúng quy trình kỹ thuật về xông hơi khử trùng;

d) Hành nghề xông hơi khử trùng khi không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề đã quá thời hạn.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức hành nghề xông hơi khử trùng có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng các loại thuốc xông hơi khử trùng thuộc Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng ở Việt Nam;

b) Sử dụng các loại thuốc xông hơi khử trùng sai quy định gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật được xông hơi khử trùng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng nếu có tình tiết tăng nặng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, b Khoản 2 và Khoản 3 Điều này;

c) Đình chỉ hoạt động xông hơi khử trùng có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 và Điểm d Khoản 2 Điều này.

Điều 24. Vi phạm quy định về sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tổ chức có hành vi vi phạm người trực tiếp điều hành sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật không có chứng chỉ hành nghề.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi vi phạm sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật sau đây:

a) Thuốc không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng;

b) Thuốc thành phẩm không đúng xuất xứ đã đăng ký.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa thuốc thành phẩm đã quá thời hạn sử dụng vào sang chai, đóng gói; đưa nguyên liệu thuốc quá hạn sử dụng vào sản xuất, gia công;

b) Đóng gói thuốc dưới dạng ống tiêm thủy tinh.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức có một trong các hành vi vi phạm sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật sau đây:

a) Thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng ở Việt Nam;

b) Thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng đến 50 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm.

5. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này;

b) Tịch thu tang vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc tiêu hủy hoặc buộc tái chế thuốc bảo vệ thực vật còn có khả năng tái chế đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy hoặc buộc tái chế thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật còn có khả năng tái chế đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 và Khoản 4 Điều này;

d) Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này khi gây hậu quả lớn hoặc gây ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội.

Điều 25. Vi phạm quy định về buôn bán thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật;

b) Không có cửa hàng và kho chứa thuốc bảo vệ thực vật hoặc có cửa hàng và kho chứa thuốc không đúng quy định;

c) Buôn bán thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật chung với thức ăn chăn nuôi, lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thuốc y tế, thuốc thú y và các hàng hóa vật tư tiêu dùng khác, trừ phân bón;

d) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; thuốc không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng ở Việt Nam có khối lượng đến dưới 5 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

đ) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật không có giấy chứng nhận tập huấn văn bản pháp luật mới hàng năm do Chi cục bảo vệ thực vật tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; thuốc không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng ở Việt Nam có khối lượng từ 5 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 20 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng ở Việt Nam có khối lượng đến dưới 3 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; thuốc không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng ở Việt Nam có khối lượng từ 20 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 100 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 3 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 5 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

c) Tự ý sang chai, chiết lẻ thuốc bảo vệ thực vật từ bao gói khối lượng lớn thành chai, gói nhỏ để buôn bán;

d) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật dưới dạng ống tiêm thủy tinh;

đ) Người trực tiếp bán thuốc có hành vi bán và hướng dẫn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng quy định.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; thuốc không có tên

trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng ở Việt Nam có khối lượng từ 100 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 300 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng ở Việt Nam có khối lượng từ 5 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 10 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; thuốc không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng ở Việt Nam có khối lượng từ 300 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 500 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 10 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 20 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm.

6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; thuốc không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng ở Việt Nam có khối lượng từ 500 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 1.000 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm;

b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 20 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 30 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm.

7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng; thuốc không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng; thuốc không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng ở Việt Nam có khối lượng từ 1.000 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm trở lên;

b) Buôn bán thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam có khối lượng từ 30 kilôgam (hoặc lít) đến dưới 50 kilôgam (hoặc lít) thuốc thành phẩm.

8. Hình thức xử phạt bổ sung

Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề buôn bán thuốc bảo vệ thực vật có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều này.

9. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc thu hồi trả lại nhà sản xuất để tiêu hủy hoặc tái chế thuốc còn có khả năng tái chế đối với các thuốc hết hạn sử dụng, không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng quy định tại Điểm d Khoản 1, Điểm a Khoản 2, Điểm a Khoản 3, Điểm a Khoản 4, Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 và Điểm a Khoản 7 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật cấm, không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng ở Việt Nam, thuốc dưới dạng ống tiêm thủy tinh đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d Khoản 1; Khoản 2; Điểm a, b, d Khoản 3; Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về sử dụng thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng với nội dung hướng dẫn sử dụng ghi trên nhãn, bao gói.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng và hạn chế sử dụng ở Việt Nam;

b) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật dưới dạng ống tiêm thủy tinh.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng ở Việt Nam;

b) Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không đúng nội dung hướng dẫn ghi trên bao gói gây nguy hiểm cho người, gia súc và làm ô nhiễm môi trường.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc tiêu hủy thuốc đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 và Điểm a, Khoản 3 Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều này.

Điều 27. Vi phạm quy định về vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật an toàn về vận chuyển thuốc và nguyên liệu làm thuốc của phương tiện vận chuyển;

b) Vận chuyển thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật hóa học chung với vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thuốc y tế, thuốc thú y và các hàng hóa vật tư tiêu dùng khác trừ phân bón;

c) Vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật hóa học trên các phương tiện giao thông công cộng.

2. Vận chuyển thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật cấm, thuốc không có tên trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng, hạn chế sử dụng ở Việt Nam thì áp dụng xử phạt vi phạm hành chính như hành vi buôn bán thuốc bảo vệ thực vật quy định tại Điều 25 Nghị định này.

Điều 28. Vi phạm quy định về nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật không đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hoặc không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nhập khẩu thuốc hoặc nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật không có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam mà không có giấy phép nhập khẩu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Nhập khẩu thuốc hoặc nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng, thuốc không rõ nguồn gốc xuất xứ, thuốc dưới dạng ống tiêm thủy tinh;

c) Nhập khẩu các loại thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam không đúng loại thuốc, nguyên liệu thuốc ghi trong giấy phép;

d) Đưa vào lưu thông, sử dụng thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu khi chưa có thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu các loại thuốc trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam mà không có Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm nhập khẩu thuốc hoặc nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng ở Việt Nam mà không có Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc tái xuất thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc tái xuất hoặc buộc tiêu hủy thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, b, c Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

Điều 29. Vi phạm quy định về khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới không đúng nội dung đã ghi trong giấy phép.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật mới không có giấy phép.

Điều 30. Vi phạm quy định về nhãn thuốc bảo vệ thực vật

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về thuốc bảo vệ thực vật có nhãn, nhãn phụ, tài liệu kèm theo có nội dung không đúng với Giấy Chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật; không đúng với nội dung ghi trong mẫu nhãn đã được chấp thuận khi xét duyệt đăng ký.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thu hồi thuốc bảo vệ thực vật có nhãn sai quy định hoặc buộc ghi lại nhãn theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 31. Vi phạm quy định quản lý giấy phép, chứng chỉ hành nghề về bảo vệ và kiểm dịch thực vật

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề của người khác để hành nghề, bao gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật;

b) Giấy phép khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật;

c) Giấy chứng nhận đăng ký thuốc bảo vệ thực vật;

d) Giấy phép kiểm dịch thực vật nhập khẩu, Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật;

đ) Chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, hành nghề xông hơi khử trùng;

e) Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề xông hơi khử trùng;

g) Thẻ xông hơi khử trùng.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung các loại giấy tờ sau:

a) Các giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Giấy chứng nhận kiểm nghiệm chất lượng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm làm giả các loại giấy tờ, hồ sơ xin cấp các loại giấy tờ quy định tại Khoản 2 Điều này nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc thu hồi các loại giấy tờ, hồ sơ đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Chương IV
THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 32. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 5.000.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, c và đ Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, c, đ, e, h, i Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 33. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giống cây trồng

Thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực giống cây trồng có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II của Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Thanh tra viên nông nghiệp và phát triển nông thôn, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, c và đ Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Chánh thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng: Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Thủy sản, Chi cục Bảo vệ thực vật; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành: Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục Thủy sản, Cục Trồng trọt, Chi cục Lâm nghiệp, Chi cục Thủy sản, Chi cục Bảo vệ thực vật được giao nhiệm vụ quản lý giống cây trồng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điểm a Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 35.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điểm a Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Chánh thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Cục trưởng Cục Trồng trọt có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điểm a Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 34. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật

Thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương III của Nghị định này, cụ thể như sau:

1. Thanh tra viên nông nghiệp và phát triển nông thôn, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 33 của Nghị định này.

2. Chánh thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ thực vật; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành: Cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Bảo vệ thực vật có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện, chứng chỉ hành nghề bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điểm b Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 35.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị đến 35.000.000 đồng;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điểm b Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Chánh thanh tra Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện, chứng chỉ hành nghề bảo vệ và kiểm dịch thực vật hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện sử dụng để vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điểm a, c, d, đ, e, g, h, i Khoản 1 Điều 28 Luật xử lý vi phạm hành chính và Điểm b Khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 35. Thẩm quyền xử phạt của công an nhân dân, hải quan, quản lý thị trường và thanh tra chuyên ngành khác

1. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Công an có thẩm quyền kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý theo quy định tại Điều 39 và Điều 52 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Hải quan có thẩm quyền kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các

biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, các dịch vụ liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý theo quy định tại Điều 42 và Điều 52 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý theo quy định tại Điều 45 và Điều 52 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

4. Người có thẩm quyền xử phạt của cơ quan Thanh tra chuyên ngành khác có thẩm quyền kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này thuộc lĩnh vực ngành mình quản lý theo quy định tại Điều 46 và Điều 52 của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 36. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Người có thẩm quyền xử phạt tại Nghị định này.

2. Công chức, viên chức đang thi hành công vụ, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2013.

2. Nghi định này thay thế các Nghị định số 26/2003/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật; Nghị định số 57/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng và Nghị định số 172/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2007 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng.

Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật xảy ra trước khi Nghị định này đã có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.

Điều 39. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết, tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng